

Số: 145/2024/QĐST- DS

Yên Thành, ngày 18 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 145/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 06 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (V1)

Địa chỉ: Tầng A(tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Tp Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q(V1)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H – Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Vùng Bắc Trung B, Khối mạng lưới Kinh doanh ngân hàng bán lẻ.

Địa chỉ: Số C, đường M, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Phạm Thanh H ủy quyền lại cho: ông Phạm Văn K - Chuyên viên xử lý nợ, phòng xử lý nợ hỗn hợp Miền Bắc.

+**Bị đơn:** ông Phan Văn Đ (1985); Bà Hoàng Thị T(1983)

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Bà Hoàng Thị T ủy quyền cho ông Phan Văn Đ – sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2294241.21 ngày 28/05/2021:

+ Ông Phạm Văn K – Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, Bị đơn ông Phan Văn Đ, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Hoàng Thị T thống nhất thỏa thuận: ông Phan Văn Đ, bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 420.505.426 đồng; bao gồm: Nợ gốc: 396.990.000 đồng; Nợ lãi là: 396.642 đồng; nợ lãi quá hạn là: 23.118.784 đồng cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày 11/7/2024 ông Phan Văn Đ, bà Hoàng Thị T phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2294241.21 ngày 28/05/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về xử lý tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Phan Văn Đ, bà Hoàng Thị T không trả, hoặc trả không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An phát mãi tài sản đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 105; Tờ BĐ số 56; Địa chỉ: Xóm D(N là xóm C), xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 354020, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 01939 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04/12/2017 cho ông Phan Văn Đ và bà Hoàng Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6033138.21 ký ngày 28/05/2021 được đăng ký thế chấp ngày 28/5/2021 tại chi nhánh V2 đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, chị T đối với ngân hàng V1. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đ, chị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng V1; nếu sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ còn dư thì ông Đ, chị T được nhận lại số tiền dư đó.

Khi ông Đ, chị T thanh toán đủ số nợ gốc, lãi cho ngân hàng V1 thì ngân hàng V1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số: số 105; Tờ BĐ số 56; Địa chỉ: Xóm D(N là xóm C), xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL

354020 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04/12/2017 cho ông Phan Văn Đ và bà Hoàng Thị T.

- Án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phan Văn Đ, bà Hoàng Thị T phải chịu 10.410.108đ(Mười triệu bốn trăm mười nghìn một trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 10.238.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số: 0002888 ngày 18/06/2024.

Chi phí tố tụng: Ông Phan Văn Đ, bà Hoàng Thị T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 6.000.000đ(Sáu triệu đồng). Ông Phan Văn Đ, bà T có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Công Hưng